

Số: /BC-STC

Cao Bằng, ngày tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Tổng hợp tình hình giá cả thị trường và công tác quản lý giá tháng 10 năm 2023

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Thực hiện Thông tư 116/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo giá thị trường, Sở Tài chính Cao Bằng báo cáo tình hình giá cả thị trường và công tác quản lý giá tháng 10 năm 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng như sau:

I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

1. Tình hình chung

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng có biến động tăng so với tháng trước. Cụ thể: Chỉ số CPI chung trong tháng tăng 1,01% so với tháng trước; tăng 0,65% so với cùng tháng năm trước; tăng 1,28% so với tháng 12 năm trước; tăng 1,32% so với bình quân cùng kỳ.

Biểu đồ 1: Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số vàng và chỉ số Đô la Mỹ tỉnh Cao Bằng tháng 10 năm 2023 so với tháng trước (%)



Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính thì có 6 nhóm hàng có xu hướng tăng so với tháng trước: Đồ uống và thuốc lá tăng 0,18%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,17%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,15%; giáo dục tăng mạnh 32,51%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng nhẹ 0,01%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,08%. Ngược lại có 4 nhóm hàng hóa có chỉ số giá giảm: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,61%; nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD giảm 0,05%; thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,07%; giao thông giảm 1,59%. Riêng nhóm bưu chính viễn thông có chỉ số giá không tăng không giảm so với tháng trước.

Chỉ số giá Vàng trong tháng tăng 0,82%; Chỉ số giá Đô la trong tháng tăng 1,19% so với tháng trước.

Chỉ số CPI bình quân 10 tháng năm nay so với bình quân cùng kỳ năm trước tăng 1,32%, tăng ở hầu hết các nhóm hàng, cụ thể: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,88%; đồ uống và thuốc lá tăng 1,74%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,47%; nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 1,51%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,60%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,87%; giáo dục tăng 9,00%; văn hoá, giải trí và du lịch tăng 1,21%; hàng hoá và dịch vụ khác tăng 0,90%. Chỉ có 02 nhóm có chỉ số giá giảm là nhóm giao thông giảm 4,29% chủ yếu do giá xăng, dầu những tháng đầu năm được điều chỉnh giảm và nhóm bưu chính viễn thông giảm 1,22% so với bình quân cùng kỳ.

Chỉ số giá vàng bình quân 10 tháng đầu năm 2023 tăng 3,99% so với bình quân cùng kỳ. Chỉ số giá Đô la Mỹ bình quân 10 tháng đầu năm 2023 tăng 2,35% so với bình quân cùng kỳ.

Diễn biến tăng, giảm của các nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính trong tháng 10 năm 2023 cụ thể như sau:

1.1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống trong tháng 10 giảm 0,61% so với tháng trước, chủ yếu do nhóm: Thực phẩm giảm 1,03% so với tháng trước.

Nhóm thực phẩm giảm chủ yếu ở nhóm mặt hàng: Thịt gia súc giảm 2,81%; thịt chế biến giảm 0,39%; trứng các loại giảm 0,45%; thủy sản tươi sống giảm 0,11%; quả tươi, chế biến giảm 0,43%. Cụ thể một số mặt hàng giảm như: Thịt lợn giảm 2,94%; thịt bò giảm 0,38%; nội tạng động vật giảm 2,67%; thịt quay, giò, chả giảm 0,48%; thịt hộp giảm 0,55%; trứng tươi các loại giảm 0,44%; dầu thực vật giảm 1,05%; cá tươi, hoặc ướp lạnh giảm 0,12%; thủy hải sản tươi sống khác giảm 0,53%; quả có múi giảm 0,90%; chuối giảm 0,66%; quả tươi khác giảm 0,92%. Ngược lại, một số nhóm thực phẩm có chỉ số giá tăng: Thịt gia cầm tăng 0,11%; dầu mỡ ăn và chất béo khác tăng 1,04%; thủy sản chế biến tăng 4,30%; nước mắm, nước chấm tăng 0,60%; các loại đậu và hạt tăng 0,29%; rau tươi, khô và chế biến tăng 0,14%; đồ gia vị tăng 0,06%; đường mật tăng 1,20%; sữa, bơ, phô mai tăng 0,07%; bánh, mứt, kẹo tăng 0,66%; chè, cà phê, cacao tăng 0,07%.

Nhóm lương thực có chỉ số giá tăng 0,96% so với tháng trước, cụ thể: Gạo tăng 1,87%; bột mì và ngũ cốc khác tăng 1,73%. Ngược lại nhóm lương thực chế biến giảm 0,20%.

Biến động tăng giảm của các nhóm hàng hóa đã tác động làm chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,61% so với tháng trước. Trong tháng các mặt hàng lương thực, thực phẩm phong phú và đa dạng, giá tăng giảm theo mua vụ, không có tăng giá đột biến, đáp ứng nhu cầu của người dân.

1.2. Đồ uống và thuốc lá

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,18% so với tháng trước, chủ yếu do nhóm hàng: đồ uống không cồn tăng 0,25%; rượu bia tăng 0,34%. Cụ thể các mặt hàng: Nước khoáng tăng 1,29%; nước uống tăng lực đóng chai, lon, hộp tăng 1,13%; bia lon tăng 0,99% so với tháng trước.

1.3. May mặc, mũ nón, giày dép

Chỉ số giá nhóm hàng may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,17% so với tháng trước, chủ yếu do các nhóm hàng: May mặc tăng 0,25%. Cụ thể các mặt hàng: Vải các loại tăng 0,65%; quần, áo cho nam, nữ (13 tuổi trở lên) tăng 0,03% - 0,47%; quần áo cho trẻ em trai (từ 2 đến dưới 13 tuổi) tăng 0,55%. Do thời tiết trở lạnh, nhu cầu mua sắm quần áo của người dân tăng.

1.4. Nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng

Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng trong tháng giảm 0,05% so với tháng trước, chủ yếu do các nhóm: Nhà ở giảm 0,14%; điện và dịch vụ điện giảm 0,80%. Cụ thể: Vật liệu bảo dưỡng nhà ở chính giảm 0,79%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở khác giảm 0,26%; điện sinh hoạt giảm 0,82%. Ngược lại, một số mặt hàng có chỉ số giá tăng: Nước sinh hoạt tăng 0,15%; gas tăng 4,70%. Biến động tăng giảm của các nhóm hàng hóa đã tác động làm chỉ số giá nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng trong tháng giảm 0,05% so với tháng trước

1.5. Thiết bị và đồ dùng gia đình

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,07% so với tháng trước, giảm chủ yếu ở nhóm: Thiết bị dùng trong gia đình giảm 0,28%; dịch vụ trong gia đình giảm 1,35%. Cụ thể các mặt hàng: Máy điều hòa nhiệt độ giảm 1,02%; tủ lạnh giảm 0,37%; máy vi tính và phụ kiện giảm 0,04%; thuê người phục vụ giảm 1,73%; thuê đồ dùng trong gia đình giảm 7,14%. Nguyên nhân giá các mặt hàng giảm chủ yếu do các cửa hàng khuyến mãi giảm giá để thu hút người mua.

1.6. Thuốc và dịch vụ y tế

Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,15% so với tháng trước, tăng chủ yếu ở nhóm: Thuốc và thiết bị y tế tăng 0,85%. Cụ thể một số mặt hàng: Thuốc tim mạch tăng 1,11%; thuốc chống dị ứng và các trường hợp quá mẫn tăng 0,38%; hóc môn và các thuốc tác động vào hệ nội tiết tăng 1,02%; nhóm thuốc tác dụng trên hệ hô hấp tăng 0,38%; vitamin và khoáng chất tăng 1,91%; một số mặt hàng khác tăng 1,69% so với tháng trước. Nguyên nhân do thời tiết chuyển mùa, nhu cầu của người dân đối với thuốc và dịch vụ y tế tăng cao, đồng thời chi phí nhập đầu vào tăng dẫn đến giá cả các loại thuốc trong tháng tăng so với tháng trước. Ngược lại nhóm dụng cụ y tế có chỉ số giá giảm 0,07%. Chỉ số giá nhóm dịch vụ khám sức khỏe không tăng không giảm so với tháng trước.

1.7. Giao thông

Chỉ số giá nhóm giao thông trong tháng giảm 1,59% so với tháng trước, giảm ở các nhóm: Phương tiện đi lại giảm 0,02%; nhiên liệu giảm 4,36%. Cụ thể một số mặt hàng: xe đạp giảm 1,56%; xăng giảm 4,62%; dầu diesel giảm 0,74% so với tháng trước. Giá xăng dầu biến động theo các kỳ điều hành xăng dầu của Liên Bộ Công Thương – Tài chính, cụ thể:

- Lần 1: từ 16h00 ngày 02/10/2023, giá bán lẻ xăng E5RON92 không cao hơn 23.502 đồng/lít; xăng RON95-III không cao hơn 24.842 đồng/lít; dầu diesel không cao hơn 23.594 đồng/lít.
- Lần 2: từ 16h00 ngày 11/10/2023, giá bán lẻ xăng E5RON92 không cao hơn 21.907 đồng/lít; xăng RON95-III không cao hơn 23.044 đồng/lít; dầu diesel không cao hơn 22.410 đồng/lít.
- Lần 3: từ 15h00 ngày 23/10/2023, giá bán lẻ xăng E5RON92 không cao hơn 22.365 đồng/lít; xăng RON95-III không cao hơn 23.513 đồng/lít; dầu diesel không cao hơn 22.489 đồng/lít.

1.8. Giáo dục

Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng mạnh 32,51% so với tháng trước, tăng chủ yếu ở nhóm dịch vụ giáo dục tăng 40,42%. Cụ thể: Giáo dục trung học cơ sở tăng 138,10%; giáo dục trung học phổ thông tăng 138,10%. Nguyên nhân mức thu học phí tăng theo Nghị quyết số 59/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành ngày 25/9/2023 Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên năm học 2023 – 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

1.9. Văn hóa, giải trí và du lịch

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng nhẹ 0,01% so với tháng trước, tăng chủ yếu ở nhóm: Thể thao và giải trí khác tăng 0,34%. Cụ thể mặt hàng dụng cụ thể dục, thể thao tăng 0,40%.

1.10. Hàng hóa và dịch vụ khác

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,08% so với tháng trước. Trong đó: Nhóm hàng hóa và dịch vụ cho cá nhân tăng 0,23%; hiệu hi tăng 0,03%. Cụ thể các dịch vụ: Cắt tóc gội đầu tăng 0,45%; dịch vụ vệ hi tăng 0,36%. Các nhóm lệ phí công chứng, bảo hiểm và dịch vụ khác; dịch vụ vệ sinh môi trường không tăng không giảm so với tháng trước.

Giá Vàng và Đô la: Chỉ số giá Vàng trong tháng tăng 0,82%; Chỉ số giá Đô la trong tháng tăng 1,19% so với tháng trước do còn phụ thuộc sự tăng, giảm của giá vàng, Đô la trong nước và thế giới.

2. Thống kê mức giá hàng hóa, dịch vụ theo danh mục quy định

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁ ĐÃ TRIỂN KHAI THÁNG 10 NĂM 2023

1. Công tác triển khai các văn bản về giá, phí lệ phí

Thực hiện tốt công tác quản lý giá, phí lệ phí. Tham mưu kịp thời việc triển khai Luật, Nghị định, Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các

quy định về giá; triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền về công tác quản lý giá trên địa bàn tỉnh; tiếp tục thực hiện quản lý giá các mặt hàng thuộc diện kê khai giá...

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản triển khai kết luận của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái tại cuộc họp Ban Chỉ đạo điều hành giá về kết quả công tác quản lý, điều hành giá 09 tháng đầu năm 2023.

2. Kết quả thực hiện công tác chuyên môn tháng 10 năm 2023

2.1. Thẩm định giá nhà nước: Triển khai công tác thẩm định giá nhà nước theo tờ trình, đề nghị của các đơn vị. Kết quả tháng 10: không phát sinh hồ sơ.

2.2. Thẩm định phương án giá; đề án thu phí, lệ phí: Thẩm định phương án giá; đề án thu phí, lệ phí kịp thời, theo quy định. Kết quả, trong tháng 10 thẩm định 01 đề án (Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng).

2.3. Đăng ký giá (Thủ tục hành chính): không phát sinh hồ sơ.

2.4. Kê khai giá: Được thực hiện đúng theo quy định. Kết quả: tháng 10 tiếp nhận: 04 hồ sơ.

2.5. Thẩm định giá đất cụ thể: Trong tháng 10 năm 2023: không phát sinh hồ sơ.

2.6. Công tác tham mưu xây dựng VBQPPL: Các văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện đảm bảo tuân thủ theo đúng quy trình, tính kịp thời đúng quy định. Kết quả thực hiện:

- Đang xây dựng 03 văn bản quy phạm pháp luật gồm:
 - + Nghị quyết thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (dự kiến ban hành trong quý IV/2023).
 - + Quyết định quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (dự kiến ban hành trong quý IV/2023).
 - + Quyết định ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 (dự kiến ban hành trong quý IV/2023).
- Đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh 01 văn bản quy phạm pháp luật: Quyết định bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành.

2.7. Công tác phối hợp với các Sở, ngành

- Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự theo yêu cầu định giá tài sản của cơ quan Cảnh sát điều tra gửi đến, đảm bảo đúng quy định. Kết quả: tháng 10 tiếp nhận 02 hồ sơ. Hiện nay, đang tiến hành định giá: 05 hồ sơ (03 hồ sơ từ tháng trước chuyển sang).

- Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về giá của Bộ Tài chính.

- Tham dự cuộc họp Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh: giải quyết khó khăn, vướng mắc tại huyện Hạ Lang, Trùng Khánh và thành phố Cao Bằng.

- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện thẩm định giá sàn nộp NSNN (m_3) để tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

2.8. Công tác khác:

- Công tác nhập liệu giá hàng hóa, dịch vụ vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về giá được thực hiện kịp thời theo quy định.

- Tham gia trả lời, đóng góp ý kiến đối với dự thảo các chương trình, chính sách của tỉnh do các cơ quan chuyên môn xây dựng đảm bảo, kịp thời không có tồn đọng.

III. DỰ BÁO DIỄN BIẾN MẶT BẰNG GIÁ THỊ TRƯỜNG THÁNG 11 NĂM 2023

Căn cứ tình hình giá cả thị trường trong tỉnh, Sở Tài chính Cao Bằng dự báo tình hình giá cả các mặt hàng tháng 11 năm 2023 như sau:

- Mặt hàng thay đổi theo thị trường thế giới: xăng dầu, vàng, đô la.
- Mặt hàng có xu hướng tăng nhẹ: rau xanh, may mặc.
- Mặt hàng có xu hướng ổn định bao gồm: du lịch, phân bón, thuốc trừ sâu.

Trên đây là báo cáo tổng hợp tình hình giá cả thị trường và tình hình thực hiện công tác quản lý Nhà nước về giá tháng 10 năm 2023; dự báo diễn biến mặt bằng giá thị trường tháng 11 năm 2023. Rất mong nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh để công tác quản lý giá trên địa bàn đạt được hiệu quả cao./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (b/c);
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử STC (để đăng tải);
- Lưu VT, QLG_(NT).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vương Quang Thiên